

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

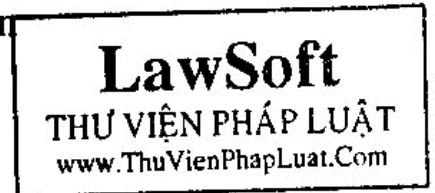
Số: 140/2006/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 22 tháng 11 năm 2006

NGHỊ ĐỊNH

Quy định việc bảo vệ môi trường trong các khâu lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển

CHÍNH PHỦ



Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 81/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định việc bảo vệ môi trường trong các khâu lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển.

2. Các loại chiến lược phát triển được điều chỉnh trong Nghị định này bao gồm: chiến lược phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, vùng; chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực trên quy mô cả nước.

3. Các loại quy hoạch phát triển được điều chỉnh trong Nghị định này bao gồm: quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng (bao gồm cả các lãnh thổ đặc biệt, vùng kinh tế trọng điểm), tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực trên quy mô cả nước.

4. Các loại kế hoạch phát triển được điều chỉnh trong Nghị định này bao gồm: kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quốc gia, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực trên quy mô cả nước.

5. Các chương trình phát triển được điều chỉnh trong Nghị định này là các chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

6. Các loại dự án phát triển được điều chỉnh trong Nghị định này bao gồm các dự án đầu tư trong nước và các dự án đầu tư nước ngoài, cụ thể như sau:

a) Dự án công trình quan trọng quốc gia;

b) Dự án có sử dụng một phần diện tích đất hoặc có ảnh hưởng xấu đến khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia, các khu di tích lịch sử - văn hóa, di sản tự nhiên, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng;

c) Dự án có nguy cơ ảnh hưởng xấu đến nguồn nước lưu vực sông, vùng ven biển, vùng có hệ sinh thái được bảo vệ;

d) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất, cụm công nghiệp, cụm làng nghề;

đ) Dự án xây dựng mới đô thị, khu dân cư tập trung;

e) Dự án khai thác, sử dụng nước dưới đất, tài nguyên thiên nhiên quy mô lớn;

g) Dự án khác có tiềm ẩn nguy cơ lớn gây tác động xấu đối với môi trường.

Danh mục các dự án phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam và tổ chức,

cá nhân nước ngoài cư trú trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có các hoạt động liên quan đến việc lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển.

Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác thì áp dụng theo điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chiến lược phát triển* là hệ thống các chủ trương phát triển kinh tế - xã hội quốc gia ở tầm tổng thể, toàn cục, cơ bản và dài hạn; phản ánh hệ thống quan điểm, mục tiêu phát triển cơ bản, phương thức và các giải pháp lớn về phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ dài hạn của đất nước.

2. *Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng, lãnh thổ* là luận chứng phát triển kinh tế - xã hội và tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội hợp lý trên vùng, lãnh thổ nhất định trong một thời gian xác định.

3. *Quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực* là luận chứng lựa chọn phương án phát triển và phân bổ ngành, lĩnh vực hợp lý trong thời kỳ dài hạn trên phạm vi cả nước và trên các vùng, lãnh thổ.

4. *Vùng kinh tế trọng điểm* là một bộ phận của lãnh thổ quốc gia gồm một số tỉnh, thành phố hội tụ được các điều kiện và yếu tố phát triển thuận lợi, có tiềm lực kinh tế lớn, giữ vai trò động lực, đầu tàu lôi kéo sự phát triển chung của cả nước.

5. *Kế hoạch phát triển* là việc xác định một cách có hệ thống những hoạt động nhằm phát triển kinh tế - xã hội theo những mục tiêu, chỉ tiêu trong một thời gian nhất định. Kế hoạch bao gồm những chỉ tiêu, biện pháp, cơ chế và chính sách nhằm thực hiện những mục tiêu đã được đặt ra trong kỳ kế hoạch.

6. *Chương trình phát triển* là tập hợp các đối tượng đầu tư được thực hiện theo một kế hoạch cụ thể nhằm đạt được mục tiêu nào đó. Chương trình phát triển bao gồm một số dự án có quan hệ mật thiết với nhau về phương diện triển khai thực hiện, khai thác, sử dụng để đạt được mục tiêu chung của chương trình.

7. *Dự án phát triển* là tập hợp các đối tượng được đầu tư bằng nhiều nguồn lực để tạo mới, mở rộng hoặc cải tạo những cơ sở vật chất nhất định, làm biến đổi từ ít đến nhiều, từ hẹp đến rộng, từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp nhằm đạt

được sự tăng trưởng về số lượng hoặc nâng cao chất lượng của đối tượng được đầu tư trong khoảng thời gian xác định.

Điều 4. Nguyên tắc chung

Việc bảo vệ môi trường nhất thiết phải được coi trọng, xem xét, cân nhắc ngay từ khi hình thành ý tưởng, định hướng phát triển và quán triệt xuyên suốt quá trình lập, thẩm định, phê duyệt, tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án nhằm bảo đảm phát triển bền vững đất nước cả về kinh tế, xã hội và môi trường. Không vì lợi ích trước mắt mà để lại những hậu quả nghiêm trọng, lâu dài về môi trường.

Điều 5. Trách nhiệm thực hiện

1. Bảo vệ môi trường là nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến việc lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Đơn vị chủ quản, chủ đầu tư, cơ quan quyết định phê duyệt chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển phải có những giải pháp cụ thể để ngăn ngừa, hạn chế và khắc phục những sự cố môi trường trong quá trình thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển.

3. Toàn xã hội có quyền lợi và nghĩa vụ trong việc tham gia, đóng góp ý kiến, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện các quy định bảo vệ môi trường đối với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển.

Chương II

QUY ĐỊNH VIỆC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG CÁC KHÂU LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC, QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH, CHƯƠNG TRÌNH VÀ DỰ ÁN PHÁT TRIỂN

Điều 6. Giai đoạn lập chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển

1. Đối với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển

a) Các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển được lập phải bảo đảm hài hòa các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường; định hướng mục tiêu

phát triển và mục tiêu bảo vệ môi trường phải tuân thủ theo tiêu chí phát triển bền vững.

b) Khi lập chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển phải có nội dung đánh giá, dự báo những tác động đối với môi trường, các chỉ tiêu, biện pháp bảo vệ môi trường. Trong các kế hoạch phát triển phải có chỉ tiêu đầu tư cho việc tăng cường năng lực về tổ chức quản lý, giám sát môi trường, ngăn ngừa và xử lý ô nhiễm, cải tạo và bảo vệ môi trường. Các chỉ tiêu môi trường phải là một bộ phận cấu thành của hệ thống các chỉ tiêu kế hoạch ở các cấp và được xây dựng đồng thời với các chỉ tiêu về kinh tế - xã hội trong kế hoạch phát triển của ngành, lĩnh vực và địa phương.

c) Cơ quan được giao nhiệm vụ xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển có trách nhiệm lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược và phải lập đồng thời với quá trình lập chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.

d) Nội dung của báo cáo đánh giá môi trường chiến lược được thực hiện theo quy định tại Điều 16 của Luật Bảo vệ môi trường.

đ) Khi nghiên cứu lập các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển, phải lấy ý kiến rộng rãi của các Bộ, ngành, địa phương, các nhà khoa học và chuyên gia có liên quan. Riêng đối với quy hoạch đô thị và nông thôn, khi nghiên cứu để lập phải công bố công khai và trưng cầu ý kiến của nhân dân và Hội đồng nhân dân sống trong vùng quy hoạch.

2. Đối với các chương trình, dự án phát triển

a) Các tác động đối với môi trường phải được xem xét ngay từ giai đoạn nghiên cứu lập chương trình, dự án phát triển.

b) Chủ đầu tư các chương trình, dự án phát triển quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 1 của Nghị định này có trách nhiệm lập báo cáo đánh giá tác động môi trường đồng thời với quá trình lập chương trình hay lập báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án để trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

c) Nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 20 của Luật Bảo vệ môi trường.

d) Chủ đầu tư các chương trình, dự án phát triển tự mình hoặc thuê tổ chức dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và phải chịu trách nhiệm về các số liệu và nội dung nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

đ) Trường hợp có thay đổi về quy mô, nội dung, thời gian triển khai thực hiện, hoàn thành chương trình, dự án thì chủ đầu tư có trách nhiệm giải trình với cơ quan phê duyệt và phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

e) Quy định về bảo vệ môi trường trong giai đoạn lập chương trình áp dụng đối với toàn bộ chương trình và từng dự án thuộc chương trình.

Điều 7. Giai đoạn thẩm định và phê duyệt chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển

1. Đối với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển

a) Nội dung thẩm định các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển phải bao gồm cả nội dung về bảo vệ môi trường.

b) Hồ sơ thẩm định chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, ngoài các văn bản theo quy định, còn phải bao gồm kết quả thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của cấp có thẩm quyền.

c) Việc thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược thực hiện theo quy định tại Điều 17 của Luật Bảo vệ môi trường. Cơ quan có thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược có trách nhiệm báo cáo kết quả thẩm định với thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chiến lược, quy hoạch, kế hoạch để làm căn cứ phê duyệt chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.

d) Thẩm quyền tổ chức thẩm định chiến lược, quy hoạch, kế hoạch thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trong quá trình thẩm định, cơ quan nhà nước có thẩm quyền mời các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức tư vấn, nhà khoa học có liên quan tham gia thẩm định trên cơ sở thực hiện hợp đồng với cơ quan có thẩm quyền tổ chức thẩm định và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định.

Cơ quan tổ chức thẩm định căn cứ vào ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức tham gia thẩm định, có thể yêu cầu cơ quan trình chiến lược, quy hoạch, kế hoạch giải trình, bổ sung chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.

đ) Thời gian thẩm định chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển không quá 45 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không kể thời gian sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

e) Thẩm quyền phê duyệt chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

g) Cấp có thẩm quyền phê duyệt chiến lược, quy hoạch, kế hoạch căn cứ vào hồ sơ, tờ trình xin phê duyệt chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, báo cáo thẩm định của cơ quan được giao tổ chức thẩm định, kết quả thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược để xem xét, quyết định phê duyệt chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.

Nội dung của quyết định phê duyệt phải bao gồm cả nội dung về bảo vệ môi trường.

h) Sau khi chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển đã được phê duyệt, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phải công bố công khai, rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng cho nhân dân biết để kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.

2. Đối với chương trình, dự án phát triển

a) Nội dung thẩm định các chương trình, dự án phát triển phải bao gồm cả nội dung về bảo vệ môi trường.

b) Hồ sơ thẩm định chương trình, dự án phát triển, ngoài các văn bản theo quy định, còn phải bao gồm quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của cấp có thẩm quyền.

c) Việc thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của các chương trình, dự án phát triển thực hiện theo quy định tại Điều 21 và Điều 22 của Luật Bảo vệ môi trường. Cơ quan thành lập hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường có trách nhiệm báo cáo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường với thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chương trình, dự án để làm căn cứ phê duyệt chương trình, dự án.

d) Thẩm quyền tổ chức thẩm định chương trình, dự án phát triển thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

đ) Cấp có thẩm quyền thẩm định chương trình, dự án phát triển sử dụng cơ quan chuyên môn trực thuộc có đủ năng lực để tổ chức thẩm định chương trình, dự án và có thể mời các cơ quan có liên quan tham gia hội đồng thẩm định.

Cơ quan tổ chức thẩm định chương trình, dự án phát triển chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thẩm định của mình.

Thời hạn thẩm định chương trình, dự án phát triển thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

e) Cấp có thẩm quyền phê duyệt, cấp phép đầu tư chương trình, dự án phát triển căn cứ vào báo cáo thẩm định của chương trình, dự án, quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và các hồ sơ cần thiết khác để xem xét, quyết định phê duyệt chương trình, dự án phát triển.

Các chương trình, dự án phát triển quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 1 của Nghị định này chỉ được phê duyệt, cấp phép đầu tư sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

Nội dung của quyết định phê duyệt phải bao gồm cả nội dung về bảo vệ môi trường.

g) Quy định về bảo vệ môi trường trong giai đoạn thẩm định và phê duyệt chương trình áp dụng đối với toàn bộ chương trình và từng dự án thuộc chương trình.

Điều 8. Giai đoạn tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển

1. Đối với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển

a) Quá trình triển khai thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển phải tuân thủ đầy đủ các nội dung bảo vệ môi trường nêu trong báo cáo đánh giá môi trường chiến lược.

b) Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định bảo vệ môi trường đối với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển. Việc giám sát, thanh tra, kiểm tra thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình Thủ tướng Chính phủ giải quyết các khiếu nại, xử lý các kiến nghị của tổ chức, cá nhân có liên quan đến bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển.

d) Định kỳ hàng năm, các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm lập báo cáo về tình hình kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các quy định bảo vệ môi trường đối với chiến lược, quy hoạch,

kế hoạch phát triển và gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp để báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

d) Nội dung kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các quy định bảo vệ môi trường trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển thực hiện theo nội dung của báo cáo đánh giá môi trường chiến lược.

2. Đối với chương trình, dự án phát triển

a) Trong quá trình triển khai thực hiện các chương trình, dự án phát triển, chủ chương trình, dự án có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật có liên quan.

b) Cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các nội dung và biện pháp bảo vệ môi trường trong các chương trình, dự án phát triển; tiếp nhận và xử lý theo thẩm quyền các kiến nghị của cộng đồng dân cư về vấn đề môi trường liên quan đến chương trình, dự án đang thực hiện.

c) Các chương trình và dự án phát triển phải được xác nhận về việc thực hiện các yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường. Hồ sơ, thủ tục, nội dung kiểm tra, xác nhận, thực hiện theo quy định hiện hành tại các văn bản pháp luật có liên quan.

d) Quy định về bảo vệ môi trường trong giai đoạn tổ chức thực hiện chương trình áp dụng đối với toàn bộ chương trình và từng dự án thuộc chương trình.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN

Điều 9. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Bảo đảm việc thực hiện các quy định bảo vệ môi trường khi lập chiến lược, quy hoạch tổng thể, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, vùng lãnh thổ, kế hoạch dài hạn, 5 năm và hàng năm.

2. Bảo đảm việc thực hiện các quy định bảo vệ môi trường trong việc thẩm định các quy hoạch phát triển ngành, vùng lãnh thổ của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ

quan thuộc Chính phủ và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; quy hoạch tổng thể các khu công nghiệp, khu chế xuất; các chương trình, dự án phát triển thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

3. Phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc bảo đảm thực hiện các quy định bảo vệ môi trường trong các khâu lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

4. Phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định bảo vệ môi trường đối với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Điều 10. Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường

1. Quản lý thống nhất hoạt động thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường trong phạm vi cả nước; tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền; hướng dẫn xây dựng báo cáo đánh giá môi trường chiến lược.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định bảo vệ môi trường đối với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển, các chương trình, dự án phát triển thuộc thẩm quyền phê duyệt của Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ; định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định bảo vệ môi trường đối với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển.

3. Bảo đảm việc thực hiện các quy định bảo vệ môi trường trong các khâu lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện các quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền.

4. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn chế độ giám sát, kiểm tra, thanh tra và quy định chế độ báo cáo kết quả thực hiện các quy định bảo vệ môi trường đối với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển.

Điều 11. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

1. Bảo đảm việc thực hiện các quy định bảo vệ môi trường trong các khâu lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền.

2. Giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định bảo vệ môi trường đối với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền; định kỳ hàng năm lập báo cáo kết quả thực hiện gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 12. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Bảo đảm việc thực hiện các quy định bảo vệ môi trường trong các khâu lập, thẩm định, phê duyệt và thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển của địa phương thuộc thẩm quyền.

2. Giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy định về bảo vệ môi trường đối với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển của địa phương; định kỳ hàng năm lập báo cáo kết quả thực hiện gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 13. Xử lý vi phạm

1. Các cơ quan chức năng, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển, nếu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường của Nghị định này sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính.

2. Hành vi vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường, hình thức xử phạt, mức phạt, thẩm quyền xử phạt, thủ tục xử phạt và các biện pháp khắc phục hậu quả thực hiện theo quy định tại Nghị định số 81/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 15. Trách nhiệm hướng dẫn và thi hành

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thi hành Nghị định này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng